

HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Trần Thị Nguyệt^{1*}, Nguyễn Thúy Ngân²

¹*Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

²*Trường Đại học Hạ Long*

* Email: nguyett@neu.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/01/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 06/03/2025

Ngày chấp nhận đăng: 13/03/2025

TÓM TẮT

Trên cơ sở tổng quan và đánh giá các công trình nghiên cứu, dựa trên khung lý thuyết về khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cần sự hỗ trợ theo các phương diện kinh tế học, luật học. Các quy định pháp luật có ảnh hưởng sâu sắc, chi phối đến các giai đoạn của quá trình khởi nghiệp. Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phải dựa trên các tư tưởng và quan điểm chính trị nòng cốt; thỏa mãn các yêu cầu cụ thể của mục tiêu và có các giải pháp khả thi, tích cực. Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, diễn giải và dự báo kết hợp với luật học so sánh, tác giả đã cho ra các kết quả nghiên cứu: chỉ rõ quan điểm, đường lối, yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật; bảo đảm cơ chế thực thi đối với pháp luật về hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo mà đại diện là các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Từ khóa: hoàn thiện pháp luật, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

ORIENTATION FOR IMPROVING THE LEGAL FRAMEWORK REGULATING ACTIVITIES SUPPORTING INNOVATIVE STARTUPS

ABSTRACT

Based on an overview and evaluation of existing research and grounded in the theoretical framework of innovative startups, this article demonstrates that startups require support from both economic and legal perspectives. Legal regulations profoundly influence and govern the various stages of the startup process. Improving the legal framework for supporting innovative startups must be founded on core political ideologies and perspectives, fulfill the specific objectives' requirements, and offer feasible and proactive solutions. Through methods of analysis, synthesis, interpretation, forecasting, and comparative legal studies, the author presents key research findings, including clarifying perspectives, orientations, requirements, and solutions for enhancing the legal framework. These solutions aim to ensure effective enforcement mechanisms for legal regulations on supporting innovative startups, with small and medium-sized startups as representative entities.

Keywords: innovative startups, legal improvement, supporting innovative startups.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khởi nghiệp sáng tạo (KNST) giữ vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế – xã hội của mỗi quốc gia. Việc thúc đẩy KNST không chỉ góp phần tạo thêm cơ hội việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp mà còn là động lực mạnh mẽ cho đổi mới và sáng tạo, từ đó giúp nền kinh tế tăng trưởng theo hướng bền vững. Thông qua thể chế, chính sách và khuôn khổ pháp lý, Nhà nước đóng vai trò trọng yếu trong việc hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KNST. Các quy định pháp luật tác động sâu rộng đến từng giai đoạn trong quá trình khởi nghiệp, từ bước hình thành ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm, huy động nguồn vốn cho đến khi doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động.

Các doanh nghiệp KNST phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, với tiềm năng tăng trưởng nhanh nhưng cũng đối mặt với nhiều rào cản như hạn chế về vốn, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng và mức độ rủi ro lớn trong vận hành. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động hỗ trợ KNST, đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này là yêu cầu tất yếu nhằm thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các doanh nghiệp KNST.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích sự tác động của chính sách và pháp luật đối với KNST, bao gồm:

– Luận án Tiến sĩ của Hoàng Thị Hải Yến (2020), *Xây dựng khung đánh giá chính sách thúc đẩy khởi nghiệp (startup) ở Việt Nam*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã xây dựng một cơ sở lý luận vững chắc về chính sách hỗ trợ KNST, đề xuất những giải pháp quan trọng về chính sách công nhằm thúc đẩy KNST ở Việt Nam. Công trình khoa học này giúp tác giả bài viết này có cái nhìn tổng quan về cơ sở pháp lý và tiêu chuẩn luật hóa chính sách công đối với vấn đề điều chỉnh bằng pháp luật hỗ trợ KNST.

– Luận án Tiến sĩ của Bùi Thị Hồng Hà (2023), *Thực hiện chính sách hỗ trợ KNST của thành phố Hà Nội*, tập trung phân tích thực trạng triển khai các chính sách hỗ trợ KNST tại Hà Nội trong thời gian qua. Tác giả đã chỉ ra các yếu tố tác động đến quá trình thực hiện chính sách, nhận diện những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện. Phạm vi tập trung vào ba nhóm chính sách hỗ trợ cụ thể là: (1) phát triển nguồn nhân lực, (2) đầu tư hạ tầng, mặt bằng cho hoạt động KNST và (3) hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm. Tuy nhiên, luận án chưa đi sâu vào khía cạnh pháp lý liên quan đến vai trò điều chỉnh của Nhà nước trong lĩnh vực này.

– Luận án Tiến sĩ của Bùi Bảo Tuấn (2020), *Pháp luật về hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay* đã nghiên cứu các khía cạnh lý luận và thực tiễn của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Công trình đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành, chỉ ra những bất cập và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý hỗ trợ nhóm doanh nghiệp này. Tuy nhiên, do tập trung vào doanh nghiệp nhỏ và vừa trong mối quan hệ với Nhà nước, luận án chưa giải quyết trực tiếp vấn đề hỗ trợ pháp lý đối với KNST, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

– Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020) có *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam 2020*; Bùi Nhật Quang và cộng sự (2018), *Chính sách khuyến khích khởi nghiệp doanh nghiệp của Việt Nam* (Sách chuyên khảo).

– Nguyễn Đình Yên & Bùi Trọng Tài (2021) “*Phát triển mạng lưới các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tại Đại học vùng từ thực tiễn Đại học Thái Nguyên hiện nay*”, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “*Kết nối mạng lưới nghiên cứu chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*”, Cục phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ; Đoàn Xuân Hậu và cộng sự (2019) “*Cơ sở lý luận cho khởi nghiệp và KNST*”, Kỷ yếu Hội thảo “*KNST ở Việt nam: Cơ hội phát triển bền vững*”.

– Ngoài ra, có các bài báo liên quan chủ đề này như: Lê Diễm Thu (2018), Thúc đẩy khởi nghiệp ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm từ

Hàn Quốc và Singapore, *Tạp chí Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh*; Chữ Đức Hoàng (2020), *Đổi mới sáng tạo: Giải pháp giúp doanh nghiệp từ Quỹ Đổi mới sáng tạo quốc gia*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*; Bùi Thị Huy Hợp và cộng sự (2017), *Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hội nhập toàn cầu*, *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*; Nguyễn Hoàng Quy (2017), *Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp: Thực trạng và giải pháp*, *Tạp chí Công Thương*; Dương Hiểu Phong (2021), *Hỗ trợ doanh nghiệp KNST gia nhập thị trường – thực trạng pháp luật và giải pháp*, *Tạp chí Công Thương*...

Các nghiên cứu trên đã cho tác giả nhiều góc nhìn đa diện về KNST và cách thức hỗ trợ hiệu quả, kịp thời cho các startup. Đây là một lĩnh vực mới, liên quan đến nhiều vấn đề phức tạp như đầu tư mạo hiểm, sở hữu trí tuệ, nghiên cứu và phát triển... Do đó, quá trình xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Các nghiên cứu về KNST ở Việt Nam hiện nay chưa làm rõ nội hàm hoàn thiện quy định pháp luật về hỗ trợ KNST; quy trình thực hiện việc hoàn thiện này; chủ thể thực hiện; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoàn thiện pháp luật; đánh giá hiệu quả, hiệu lực thực hiện pháp luật về KNST. Đây chính là khoảng trống mà bài viết sẽ giải quyết trên cơ sở vận dụng các lý thuyết về điều chỉnh pháp luật và thực hiện pháp luật hỗ trợ KNST, bao gồm: (i) Lý thuyết về quyền tự do kinh doanh là lý thuyết nền tảng để phát triển nền kinh tế thị trường mà pháp luật phải bảo đảm thực hiện; (ii) Lý thuyết kinh tế học là lý thuyết về cách thức mà cá nhân và xã hội lựa chọn việc sử dụng nguồn lực khan hiếm của mình như thế nào; (iii) Lý thuyết “phát triển bền vững” là lý thuyết về quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển (phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường).

Bám sát các lý thuyết căn bản này, nhóm tác giả xây dựng tiêu chí hoàn thiện quy định của pháp luật và thực hiện pháp luật hỗ trợ KNST, bảo đảm và nâng cao giá trị thực thi pháp luật một cách hiệu quả.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích, tổng hợp, diễn giải và dự báo đã được sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn với phương pháp luật học so sánh để cho ra các kết quả nghiên cứu: quan điểm, đường lối, yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật; cơ chế thực thi đối với pháp luật về hỗ trợ KNST mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm đại diện.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp KNST dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việt Nam đã bước vào giai đoạn phát triển kinh tế, xã hội mới với vị thế, hoàn cảnh “chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay” (Nguyễn Phú Trọng, 2020), mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân đóng góp cho nền kinh tế đất nước cũng đã được đặt ra: “phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa” (Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, 2017). Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII đã nhấn mạnh “*thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước*”, xác định “*phát triển các loại hình sản xuất kinh doanh và công nghệ, đổi mới sáng tạo*” là “*nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược*”.

Nghị quyết 41/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 10/10/2023 về xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới đưa ra một trong những nhiệm vụ là “*Có chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng quy mô, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực sản xuất, phát triển mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ,*

kinh tế số...". Điều này phản ánh rõ ràng chủ trương của Đảng trong việc thúc đẩy KNST, hỗ trợ sự ra đời và vận hành của các lĩnh vực, mô hình kinh doanh mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển KNST tại Việt Nam.

Bám sát quan điểm của Đảng trong Đại hội XIII, Chính phủ xác định KNST là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, ngành. Nhằm đảm bảo sự phát triển hiệu quả của KNST, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ sinh thái khởi nghiệp, coi doanh nghiệp là chủ thể, động lực và mục tiêu của quá trình này (Long Hồ, 2023). Vì vậy, giải pháp để thúc đẩy KNST là cần có những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và hành động phù hợp với thực tiễn, đồng thời xây dựng thể chế, cơ chế và các chính sách ưu đãi mang tính đột phá. Một ví dụ điển hình cho việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là Đề án 844 về “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đề án này bao gồm hàng loạt chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ cả doanh nghiệp KNST và hệ sinh thái khởi nghiệp nói chung, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế (Thủ tướng Chính phủ, 2016).

Pháp luật, đặc biệt là pháp luật kinh tế, có vai trò then chốt trong việc thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Đến nay, hệ thống pháp luật đã trở thành công cụ quan trọng giúp Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và bảo đảm nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật hỗ trợ KNST cần được thực hiện trên cơ sở các quan điểm của Đảng về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân và kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp KNST phải phù hợp với quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Quá trình hỗ trợ các doanh nghiệp KNST không thể được thực hiện một cách thiếu hệ thống hay chủ quan, mà cần phải dựa trên đặc điểm của nền kinh tế quốc gia cũng như đảm bảo sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, bao gồm cả các cam kết song phương và đa phương.

Hiện nay, Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu thông qua việc tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA và EVIPA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp KNST cần tuân thủ nguyên tắc không trái với các quy định về tự do thương mại quốc tế, đồng thời tránh vi phạm các cam kết về trợ cấp và trợ giá vốn đã bị cấm bởi các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp KNST phải xuất phát từ những hạn chế, bất cập của thực trạng pháp luật và phải đặt trên quan điểm hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế nói chung.

Pháp luật về hỗ trợ KNST là một phần trong hệ thống pháp luật kinh tế, do đó, sự phát triển của lĩnh vực này chịu tác động mạnh mẽ từ các lĩnh vực khác thuộc hệ thống pháp luật kinh tế như pháp luật doanh nghiệp, đầu tư, thương mại, thuế xuất nhập khẩu, giá cả, kế toán, kiểm toán, tài chính, hải quan, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cạnh tranh,... Ngược lại, pháp luật về hỗ trợ KNST cũng có những tác động trở lại với tính đồng bộ và sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật kinh tế. Vì vậy, “*quá trình hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ KNST ở Việt Nam cần phải được đặt trong tổng thể hoàn thiện đồng bộ với các lĩnh vực pháp luật cấu thành hệ thống pháp luật kinh tế, doanh nghiệp để xử lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến hỗ trợ KNST*” (Bùi Bảo Tuấn, 2020).

Tóm lại, với vai trò là một bộ phận cấu thành của hệ thống pháp luật kinh tế, pháp luật về hỗ trợ KNST cần được hoàn thiện theo hướng đồng bộ với các chế định pháp luật liên quan, nhằm tạo ra một hành lang pháp lý thống nhất và hiệu quả. Bên cạnh đó, việc cải cách pháp luật hỗ trợ KNST cần đặt trong bối cảnh xu hướng tự do hóa và toàn cầu hóa, giảm dần sự khác biệt giữa các chính sách thương mại, doanh nghiệp, hướng tới xây dựng một thể chế pháp lý chung nhằm thúc đẩy sự chuyển dịch tự do của các yếu tố sản xuất trong nền kinh tế thị trường.

3.2. Một số yêu cầu cơ bản đặt ra đối với việc hoàn thiện quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Dựa trên quan điểm, chiến lược phát triển lâu dài của Đảng và Nhà nước về khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo, cùng với thực tiễn triển khai các chính sách hỗ trợ KNST, việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này cần đáp ứng một số yêu cầu quan trọng như sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức về vai trò then chốt của KNST đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, từ đó xây dựng các quy định pháp luật hỗ trợ phù hợp và hiệu quả.

Thứ hai, tập trung tháo gỡ các rào cản, khó khăn đang cản trở sự phát triển của KNST và nâng cao vai trò của lĩnh vực này trong nền kinh tế – xã hội, đặc biệt liên quan đến hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh và đẩy mạnh cải cách hành chính. Điều này bao gồm việc tiếp tục nâng cấp môi trường pháp lý, tinh giản thủ tục hành chính, thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đồng thời, cần đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đảm bảo các cơ sở dữ liệu trong hệ sinh thái khởi nghiệp được liên kết và chia sẻ, triển khai hiệu quả các dịch vụ hành chính công trực tuyến cấp độ 4, cũng như xử lý hồ sơ công việc trên nền tảng số (Bùi Thị Hồng Hà, 2023).

Thứ ba, phát huy vai trò nâng đỡ, dẫn dắt và kết nối của nhà nước; tăng cường đầu tư

và sử dụng đúng hướng và có hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước kết hợp với mở rộng xã hội hóa đầu tư nhằm huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư cho KNST.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng thực chất, lấy hiệu quả làm thước đo. Công tác quản lý nhà nước cần được đơn giản hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh trong nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động hỗ trợ KNST theo hướng hài hòa với hệ thống thể chế, xây dựng chính sách đột phá thu hút đầu tư từ các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Khuyến khích doanh nghiệp lớn tham gia hỗ trợ startup nhằm nâng cao tính hiệu quả và khả thi.

Thứ sáu, tăng cường phát triển hạ tầng phục vụ hoạt động KNST, bao gồm xây dựng và mở rộng các cơ sở ươm tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), đồng thời hiện đại hóa hệ thống thông tin nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực liên quan đến đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, cần tận dụng sở hữu trí tuệ như một công cụ quan trọng để khuyến khích sáng tạo, hỗ trợ các startup trong việc tiếp cận thông tin công nghệ, nâng cao kỹ năng khởi nghiệp, quản lý tài chính, bảo hộ sáng chế và mở rộng mạng lưới KNST...

Thứ bảy, đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác thực chất, có hiệu quả giữa các thành tố trong hệ sinh thái bao gồm viện nghiên cứu, trường đại học, tập đoàn, vườn ươm doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ kinh doanh và quỹ đầu tư... nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ KNST. Đồng thời, chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm cho startup cũng như tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng yêu cầu về KNST, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giai đoạn sắp tới.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật

Thứ nhất, việc xây dựng quy định của pháp luật về KNST cần theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp KNST hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Tránh tư duy “không quản được thì cấm”, giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết, hạn chế sự can thiệp của khu vực công vào thị trường.

Thứ hai, bám sát quan điểm hỗ trợ cơ bản và hỗ trợ trọng tâm. Theo đó, hỗ trợ cơ bản bao gồm vốn, mặt bằng sản xuất, đào tạo, thông tin, tư vấn, ươm tạo,... nhưng chỉ áp dụng với doanh nghiệp đáp ứng điều kiện cụ thể, tập trung vào các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển. Tùy thuộc vào điều kiện ngân sách và thực trạng nền kinh tế, có thể mở rộng hoặc thu hẹp để hỗ trợ chuyên sâu cho một số doanh nghiệp mũi nhọn.

Thứ ba, về chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn vay, cần quy định cụ thể hơn các ưu đãi về hạn mức vay, lãi suất, thời hạn vay,... trên cơ sở quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua quỹ đầu tư KNST, mở rộng thị trường kinh doanh, tăng cường liên kết chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ tư, về hỗ trợ pháp lý, cần hoàn thiện định nghĩa và mở rộng vai trò của các tổ chức đại diện doanh nghiệp như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME)... trong việc hỗ trợ pháp lý và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có liên quan. Tăng cường nguồn lực cho hoạt động này, bao gồm nhân lực, tài chính và vật chất, thông qua huy động nguồn lực xã hội và mô hình hợp tác công – tư (PPP). Đồng thời, khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư tham gia, góp phần giảm chi phí và nâng cao hiệu quả tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp.

3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp KNST

Đối với quá trình thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp KNST, cần lưu ý những giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, để nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp KNST, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu về các vụ việc và vướng mắc pháp lý, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin. Việc hệ thống hóa và trình bày thông tin một cách ngắn gọn, dễ hiểu không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận nhanh chóng mà còn phục vụ cho xét xử, giảng dạy và nghiên cứu.

Hai là, về chính sách tín dụng cho KNST, Chính phủ đã ban hành nhiều quy định và chương trình hỗ trợ tài chính dành cho doanh nghiệp KNST như bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ tín dụng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy số lượng doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn hỗ trợ vẫn còn hạn chế. Những rào cản phổ biến mà doanh nghiệp gặp phải bao gồm: thủ tục vay vốn phức tạp (55% doanh nghiệp phản ánh), yêu cầu thế chấp cao và chưa đa dạng hóa tài sản đảm bảo (50% gặp khó khăn do thiếu tài sản có giá trị lớn để thế chấp), lãi suất chưa thực sự phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp (80% doanh nghiệp cho rằng lãi suất còn cao) (Bùi Bảo Tuấn, 2020). Khó khăn nhất vẫn là thiếu vốn cho sản xuất, kinh doanh. Điều kiện vay vốn chưa linh hoạt khiến nhiều doanh nghiệp không đáp ứng được các tiêu chí như không có khoản nợ thuế quá hạn hoặc không nợ lãi suất quá hạn. Cần đẩy mạnh các gói tín dụng ưu đãi, đồng thời khuyến khích các ngân hàng thương mại tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng Nhà nước ưu tiên phát triển.

Thứ ba, để doanh nghiệp KNST có thể tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và hỗ trợ phát triển công nghiệp phụ trợ, cần chú trọng nâng cao trình độ khoa học – công nghệ. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp công nghệ cao vẫn còn hạn chế, trong khi đội ngũ nhà khoa học và chuyên gia trong các doanh nghiệp chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Do đó, việc thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là một yêu cầu cấp thiết.

Thứ tư, cần xây dựng một cổng thông tin điện tử chuyên biệt để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Hiện nay, chưa có một chuyên trang hỗ trợ pháp lý riêng cho doanh nghiệp. Trong khi đó, các văn bản pháp luật liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp KNST rất nhiều nhưng phân tán tại các bộ, ngành, địa phương, khiến các doanh nghiệp khó tiếp cận. Do đó, cần xây dựng một hệ thống thông tin tập trung, liên kết với các tổ chức đại diện doanh nghiệp để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cũng đề xuất việc xây dựng một chuyên trang hỗ trợ pháp lý, kết nối với hệ thống thông tin của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, giúp phổ biến và cập nhật văn bản pháp luật một cách có hệ thống, rõ ràng, minh bạch.

Thứ năm, cần có biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và giải quyết tình trạng hàng tồn kho. Trong bối cảnh giá nguyên liệu tăng cao và sức mua giảm, nhiều doanh nghiệp buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động. Một số ngành như bất động sản, vật liệu xây dựng, nông sản đang gặp tình trạng tồn kho lớn. Để tháo gỡ khó khăn, cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cắt giảm chi phí sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Thứ sáu, việc đào tạo và bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho doanh nghiệp KNST cần được chú trọng hơn nữa. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong thực thi pháp luật do thiếu kỹ năng pháp lý hoặc đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa được đào tạo bài bản. Vì vậy, cần tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về pháp luật kinh doanh, quản trị doanh nghiệp dành cho lãnh đạo doanh nghiệp, đồng thời, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ pháp lý, đặc biệt tại các hiệp hội doanh nghiệp địa phương.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp vẫn còn hạn chế về kỹ năng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực. Theo thống kê, có tới 55,63% chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn từ trung cấp trở xuống, trong đó 43,3%

chỉ tốt nghiệp sơ cấp hoặc phổ thông. Trong lực lượng lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, khoảng 75% chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Hơn nữa, nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, làm giảm đi chất lượng công việc trong khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nguyễn Thị Duyên, 2014). Đáng chú ý, ngay cả những chủ doanh nghiệp có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên cũng chưa được đào tạo đầy đủ về kinh tế, quản trị doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh. Điều này ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạch định chiến lược, định hướng phát triển và quản lý rủi ro pháp lý của doanh nghiệp. Do vậy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (nơi mà có phần lớn các KNST) càng rơi vào vị thế bất lợi. Do đó, việc nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng điều hành cho đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp KNST là một yêu cầu cấp thiết.

Thứ bảy, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và hội nhập quốc tế trong kinh doanh, xúc tiến thương mại là vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp KNST. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa khai thác hiệu quả các cơ hội mà quá trình hội nhập quốc tế mang lại. Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để phù hợp với các cam kết quốc tế, đặc biệt là khi gia nhập WTO, nhưng khả năng tiếp cận hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế của doanh nghiệp vẫn còn hạn chế.

Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan. Về khách quan, hệ thống pháp luật kinh tế vĩ mô còn chưa thực sự ổn định, thủ tục hành chính cải cách chậm, tạo ra tâm lý e ngại trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, phần lớn vấn đề nằm ở yếu tố chủ quan: nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tìm hiểu và cập nhật các quy định pháp luật và thông lệ quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây là một thách thức lớn, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong việc phổ biến và hỗ trợ tiếp cận thông tin pháp luật một cách thuận lợi hơn.

4. KẾT LUẬN

Nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang dịch chuyển mô hình tăng trưởng từ dựa vào tài nguyên thiên nhiên và lao động sang mô hình lấy tri thức, đổi mới sáng tạo làm động lực chủ đạo. Trong bối cảnh đó, các startup khai thác tài sản trí tuệ, ứng dụng công nghệ và phát triển mô hình kinh doanh mới với tiềm năng tăng trưởng nhanh ngày càng khẳng định vai trò quan trọng. Không chỉ tạo ra việc làm, các doanh nghiệp này còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Việc Nhà nước hỗ trợ các nguồn lực cho doanh nghiệp KNST phát triển là phù hợp với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, một trong những vấn đề căn bản của triết lý phát triển ở Việt Nam hiện nay (Nguyễn Sĩ Dũng và cs., 2024). Để sự hỗ trợ này thật sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp KNST thì vấn đề hoàn thiện pháp luật điều chỉnh và thực thi, áp dụng pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp KNST như đã phân tích và mô tả ở các kết quả nghiên cứu trên đây là vô cùng quan trọng và cấp thiết, cần được triển khai nhanh chóng, hiệu lực, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017*, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.
- Bùi Bảo Tuấn. (2020). *Pháp luật về hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay* (Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội).
- Bùi Thị Hồng Hà. (2023). *Thực hiện chính sách hỗ trợ KNST của Thành phố Hà Nội* (Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội).
- Hoàng Thị Hải Yến. (2020). *Xây dựng khung đánh giá chính sách thúc đẩy khởi nghiệp (startup) ở Việt Nam* (Luận án Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội).
- Long Hồ. (2023). *Đổi mới, sáng tạo, dám khởi nghiệp để tạo nên những điều kì diệu, những “kỳ lân” tầm cỡ khu vực và thế giới*. Truy cập ngày 03/05/2024, từ <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/doi-moi-sang-tao-dam-khoi-nghiep-de-tao-nen-nhung-dieu-ky-dieu-nhung-ky-lan-tam-co-khu-vuc-va-t-1491916467>
- Nguyễn Phú Trọng. (2020). *Phát biểu tại Lễ kỉ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 – 03/02/2020)*.
- Nguyễn Sĩ Dũng, Nguyễn Minh Phong, Hoàng Gia Minh & Hồ Quang Phương. (2024). *Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. Truy cập ngày 15/4/2024, từ <https://xaydungdang.org.vn/giai-bao-chi-toan-quoc-ve-xay-dung-dang/phan-trien-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-tai-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay-11291>
- Nguyễn Thị Duyên. (2014). *Bài toán phát triển nguồn nhân lực cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Truy cập ngày 03/05/2024, từ <https://tapchitaichinh.vn/bai-toan-phat-trien-nguon-nhan-luc-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua.html>
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”*.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2007). *Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.